

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 268/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2020 về việc ly hôn, nuôi con sau ly hôn giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1997; Địa chỉ thường trú: Số 356/2, đường Đ, Khóm K, Phường P, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ tạm trú: Số 999 Cộng Đồng ấp L, xã H, huyện Q, tỉnh Đồng Nai;

Bị đơn: Ông Trần Trọng T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 356/2, đường Đ, Khóm K, Phường P, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12/11/2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12/11/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị N và ông Trần Trọng T.

2/. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao Ông Trần Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Trần Tấn D, sinh ngày 03/10/2015; Trần Anh U, sinh ngày 01/5/2017 cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi. Bà Phạm Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phạm Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom hai cháu Trần Tấn D, sinh ngày 03/10/2015; Trần Anh U, sinh ngày 01/5/2017 theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị N và ông Trần Trọng T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị N đồng ý chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0004734 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Trả lại cho bà Phạm Thị N số tiền còn thừa là 150.000 đồng.

3/. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND T. Sóc Trăng;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- UBND P6, TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Võ Văn Như